TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Thị Thu Nguyệt và ông Nguyễn Văn Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Cẩm L, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Hương T, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Cẩm L trình bày:

Chị và anh Trần Hương T do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2021, không tổ chức đám cưới và không có đăng ký hết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Tuy nhiên đến tháng 8 năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Anh T thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không thay đổi. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Bùi Cẩm L yêu cầu được ly hôn anh Trần Hương T;

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Về cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trần Hương T trình bày:

Về quá trình hôn nhân anh thống nhất với trình bày của chị Bùi Cẩm L. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Cẩm L thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh Trần Hương T đồng ý ly hôn chị Bùi Cẩm L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng thì anh không đồng ý theo yêu cầu của chị L vì hiện tại anh đang bị thương ở tay nên công việc cũng như thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Cẩm L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Hương T; về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Về cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Hương T trình bày: Anh đồng ý ly hôn chị Bùi Cẩm L; về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng thì anh không đồng ý theo yêu cầu của chị L vì hiện tại anh đang bị thương ở tay nên công việc cũng như thu nhập không ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Cẩm L.

Về hôn nhân: Do chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T.

Về con chung: Ghi nhận chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T có 01 con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T chung sống với nhau từ năm 2021, không tổ chức đám cưới, không đăng ký hết hôn. Anh Trần Hương T có địa chỉ thường trú tại: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Bùi Cẩm L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Hương T; yêu cầu được nuôi con chung là Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022 nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì: *"...Điều 9. Đăng ký kết hôn*

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý..."

Và điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, thì: *"...b) N1 và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng..."

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì: *"...Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*

1. N1, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…

… Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn…

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"

Theo lời khai của chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T thì anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì việc kết hôn không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Bùi Cẩm L có yêu cầu ly hôn với anh Trần Hương T. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung:

Ghi nhận chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T có một con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022 hiện tại đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu N. Anh T cũng đồng ý giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Cẩm L giao cháu Bùi Trần Khả N cho chị Bùi Cẩm L tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hương T không đồng ý cấp dưỡng cho con. Chị Bùi Cẩm L yêu cầu anh Trần Hương T cấp dưỡng cho con là mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng, cụ thể:

"... Điều 110. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con

Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con...".

Anh Trần Hương T không sống chung với cháu Bùi Trần Khả N nên anh Trần Hương T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Trần Khả N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng, cụ thể:

"...Điều 116. Mức cấp dưỡng

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết..."

Anh Trần Hương T và chị Bùi Cẩm L không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nên mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định. Xét thấy theo trình bày của anh T thì thu nhập hiện tại của anh không ổn định do tay của anh bị chấn thương. Theo Giấy ra viện ngày 22/12/2023 chẩn đoán anh Trần Hương T bị gãy hở nát xương trụ phải đã phẫu thuật tuyến trước. Chị Bùi Cẩm L yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng là chưa phù hợp theo khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Trần Hương T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Trần Khả N mỗi tháng là 900.000 (chín trăm ngàn) đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Trần Khả N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T.

2. Về con chung: Ghi nhận chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T có một con chung tên Bùi Trần Khả N, sinh ngày 04/11/2022. Giao cháu Bùi Trần Khả N cho chị Bùi Cẩm L nuôi dưỡng. Anh Trần Hương T cấp dưỡng cháu Bùi Trần Khả N

mỗi tháng là 900.000 (chín trăm ngàn) đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Trần Khả N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trần Hương T và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Bùi Cẩm L. Chị Bùi Cẩm L và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Hương T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Bùi Cẩm L, anh Trần Hương T xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Bùi Cẩm L và anh Trần Hương T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Bùi Cẩm L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013633 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Chị Bùi Cẩm L đã nộp đủ. Anh Trần Hương T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu hồ sơ (1).

Lâm Trí Nguyên